

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 704/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 5 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 79 thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (*Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện nghiêm túc việc công khai, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng thời hạn sau khi đã cắt giảm quy định tại danh mục được công bố kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Viễn thông Cao Bằng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG
THỰC HIỆN CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH
TẠI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**
(Kèm theo Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 5 tháng 5 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Ghi chú
		Theo quy định	Sau khi cắt giảm	
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (59 TTHC)				
I. Lĩnh vực An toàn lao động (07 TTHC)				
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	25	19	
2	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).			
2.1	Trường hợp: Gia hạn, sửa đổi, bổ sung phạm vi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	25	19	
2.2	Trường hợp: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất, cấp đổi tên	10	7	
3	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	10	8	
4	Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	5	4	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Ghi chú
		Theo quy định	Sau khi cắt giảm	
5	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	10	8	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30	24	
7	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa (nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	5	4	
II. Lĩnh vực Việc làm (02 TTHC)				
1	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	30	22	
2	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	15	12	
III. Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước (03 TTHC)				
1	Đăng ký hợp đồng cá nhân	10	8	
2	Đăng ký nhận lao động hợp đồng dưới 90 ngày	10	8	
3	Đề nghị tắt toán ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi nâng cao tay nghề dưới 90 ngày	7	5	
IV. Lĩnh vực Lao động tiền lương (01 TTHC)				
1	Gửi Thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp	15	12	
V. Lĩnh vực cho thuê lại lao động (05 TTHC)				
1	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27	20	
2	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27	18	
3	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27	18	
4	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17	13	
5	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp thuê lại lao động	10	8	
VI. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (04 TTHC)				
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	10	8	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Ghi chú
		Theo quy định	Sau khi cắt giảm	
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp và doanh nghiệp			
2.1	Trường hợp thông thường	10	8	
2.2	<i>Đối với trường hợp đăng ký bổ sung do đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp</i>	5	4	
3	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	20	16	
4	Chia tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	10	8	
VII. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (06 TTHC)				
1	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10	8	
2	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5	4	
3	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5	4	
4	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	15	5	
5	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15	5	
6	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15	5	
VIII. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (05 TTHC)				
1	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22	17	
2	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	11	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Ghi chú
		Theo quy định	Sau khi cắt giảm	
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	11	
4	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	11	
5	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	10	8	
IX. Lĩnh vực Người có công (26 TTHC)				
1	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	15	12	
2	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	10	8	
3	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	10	8	
4	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân	10	8	
5	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	10	8	
6	Giải quyết chế độ chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc lấy vợ khác	10	8	
7	Giải quyết chế độ đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	10	8	
8	Giải quyết chế độ đối với thương binh người hưởng chính sách như thương binh	10	8	Thời hạn giải quyết tính từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa của Hội đồng giám định y khoa
9	Giám định vết thương còn sót	10	8	Thời hạn giải quyết tính từ ngày tiếp nhận biên bản giám định lại thương tật
10	Giải quyết chế độ thương binh đồng thời là bệnh binh	15	12	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Ghi chú
		Theo quy định	Sau khi cắt giảm	
11	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	10	8	Thời hạn giải quyết tính từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ do Sở Y tế chuyển đến
12	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	10	8	
13	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày	30	27	Cắt giảm thời hạn giải quyết tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
14	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến, giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	25	23	
15	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	30	28	
16	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	20	16	
17	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	15	12	
18	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	30	27	Cắt giảm thời hạn giải quyết tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
19	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	25	23	
20	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	10	8	
21	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng Huân chương, Huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	25	23	Cắt giảm thời hạn giải quyết tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
22	Giới thiệu người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đi giám định xác định tỷ lệ bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học	10	8	
23	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	15	13	
24	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	10	8	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Ghi chú
		Theo quy định	Sau khi cắt giảm	
25	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	15	12	
26	Thực hiện chế độ ưu đãi giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng	5	4	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (12 TTHC)				
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (11 TTHC)				
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	32	25	
2	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng			
2.1	Trường hợp 1: Không có khiếu nại	28	22	
2.2	Trường hợp 2: Có khiếu nại	38	30	
3	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố thuộc tỉnh	6	4.5	
4	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các địa bàn huyện, thành phố thuộc tỉnh	8	6	
5	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	5	4	
6	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2	1.5	
7	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15	12	
8	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15	12	
9	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	5	4	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Ghi chú
		Theo quy định	Sau khi cắt giảm	
10	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	5	4	
11	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15	12	
II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (01 TTHC)				
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11	8	
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (08 TTHC)				
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (06 TTHC)				
1	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2	1.5	
2	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	2	1.5	
3	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	10	8	
4	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10	8	
5	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	7	5	
6	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo phát sinh trong năm	7	5	
II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (02 TTHC)				
1	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	6	4	
2	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	3	2.5	

Tổng số: 79 TTHC
Trong đó:
 + Cấp tỉnh: 59 TTHC.
 + Cấp huyện: 12 TTHC.
 + Cấp xã: 08 TTHC.